

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ HỢP  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày 14 tháng 02 năm 2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Văn Đạt.

Các Hội thẩm: Ông Hồ Xuân Hùng.

Bà Nguyễn Lê Vinh Hương. Giáo viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Văn Vận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An:

Bà Hoàng Thị Bình: Kiểm sát viên:

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

**Lô Đức T:** Sinh ngày 17 tháng 01 năm 2000.

Trú tại: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Lô Văn T và con bà Lương Thị X.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 12 năm 2019. Có mặt.

**Trương Văn Q:** Sinh ngày 01 tháng 02 năm 2002.

Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Trương Văn N và con bà Lô Thị C.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Văn Q.**

Bà Lô Thị C, sinh năm 1969. Là mẹ đẻ của bị cáo.

Trú tại: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**Đại diện của cơ quan, tổ chức nơi bị cáo Trương Văn Q lao động, sinh hoạt.**

Ông Nguyễn Xuân Hậu. Chức vụ: Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo Q:** Ông Nguyễn Thái Quỳnh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**Người bị hại:** Anh Nguyễn Đình D: Sinh năm 1977. Vắng mặt.  
Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Q, Nghệ An.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Thái H: Sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Khối 6, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 29/6/2019, Lô Đức T ( là một đối tượng nghiện ma túy) lên huyện Q rủ Trương Văn Q đi ăn chè, khi đi qua nhà anh Nguyễn Đình D, trú tại xóm Đ, xã C, huyện Q thấy có nhiều hoa phong lan, T liền rủ Q đến tối đến nhà anh D để trộm hoa phong lan thì Q đồng ý. Đến khoảng 23 giờ ngày 29/6/2019, Lô Đức T và Trương Văn Q đến nhà anh Nguyễn Đình D, Q đến mở cổng thì cổng khóa. Thấy vậy bị cáo T leo lên tường rào đi vào đến cây Lộc vừng để trộm hoa phong lan, lấy được 06 nhánh hoa phong lan, Thiên leo qua tường rào rồi đến xe máy cùng Q bỏ chạy. T và Q đem hoa phong lan đi cất giấu tại khu vực cầu Nậm T, thị trấn Q. Đến ngày 30/6/2019, Lô Đức T và Trương Văn Q đưa số phong lan trộm được đem bán cho anh Đặng Thái H với giá 300.000đ.

Vật chứng vụ án: 06 nhánh hoa phong lan, loại lan phi điệp, trong đó có 03 nhánh mỗi nhánh dài từ 70 – 80 cm và 03 nhánh dài mỗi nhánh từ 20 – 30 cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong TTHS số 40/KL-HĐĐG ngày 10/ 7 /2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Q kết luận: 01 giò hoa phong lan, loại phi điệp bao gồm 06, trong đó 03 nhánh dài, mỗi nhánh dài từ 70-80 cm và 03 nhánh mỗi nhánh dài từ 20-30 cm có giá trị là 3.300.000đ(Ba triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Lô Đức T từ 9 tháng cho đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 90 Điều 101 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Văn Q từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 16 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đình D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nữa và anh Đặng Thái H cũng không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền mua 06 nhánh hoa phong lan là 300.000đ, nên không xem xét. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu số tiền 300.000đ do các bị cáo phạm tội mà có đối với hai bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q để sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả cho bị hại đúng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Q trình bày: Bị cáo Q khi phạm tội còn là người dưới 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, do bị cáo Thiên rủ rê nên đã nghe theo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc ở vùng sâu vùng xa nên nhận thức kém. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q, xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 90, Điều 100 BLHS, xử phạt bị cáo Trương Văn Q từ 12 đến 15 cải tạo không giam giữ.

Đại diện cơ quan, tổ chức nơi bị cáo sinh sống, lao động trình bày: Bị cáo Q phạm tội lần đầu nghe theo rủ rê của bị cáo T, nhận thức còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo Q.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[ 1 ]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[ 2 ]. Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận số 40/ KL- HĐĐG, ngày 10/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu. Các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q đã có hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 23 giờ, ngày 29/6/2019 các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q có hành vi trộm 01 giò phong lan gồm 06 nhánh, loại phi điệp của anh Nguyễn Đình D có giá trị 3.300.000đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh

Nghệ An truy tố các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[ 3 ]. Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q đã xâm phạm quyền sở hữu của công dân mà được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, ổn định tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Lô Đức T có vai trò chính, đã khởi xướng và rủ rê bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên tại phiên Tòa và quá trình điều tra bị cáo T thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản Điều 51 BLHS. Bị cáo xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 BLHS, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, sau đó bị truy nã và bắt theo lệnh truy nã . Vì vậy cần lên một mức án nghiêm đối với bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo tốt trở thành một con người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Trương Văn Q nghe theo lời xúi giục của bị cáo T nên mới phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, nay bị cáo đã đủ tuổi (18 tuổi). Vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống, giáo dục, giám sát trong thời gian thử thách.

[ 4 ]. Về vật chứng vụ án: 01 giò phong lan 06 nhánh, Cơ quan Điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình D đúng theo quy định của Pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[ 5 ]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình D đã nhận lại giò phong lan bị mất và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nữa và anh Đặng Thái H cũng không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn*), là tiền mua hoa phong lan của hai bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

Đối với anh Đặng Thái H mua giò phong lan do các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q trộm cắp mà có với giá 300.000đ, nhưng anh Hùng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và cũng không hứa hẹn trước nên không có cơ sở xử lý.

Đối với việc bị cáo Lô Đức T dùng xe máy của mẹ mình là bà Lương Thị X để đi thực hiện hành vi phạm tội, nhưng việc bị cáo T dùng xe máy để phạm tội là bà Lương Thị X không biết, chiếc xe máy này hiện nay đã bị mất. Do vậy không có cơ sở để xử lý trách nhiệm của bà Lương Thị Xuân.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lô Đức T : **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2019.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1, Điều 65, Điều 90, Bộ luật hình sự.

-Xử phạt bị cáo Trương Văn Q: **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Châu Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trương Văn Q thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Lô Đức T và Trương Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn nghìn) án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

### Nơi nhận

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Q.
- Công an huyện Q
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Q.
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An.
- UBND xã N, Nghĩa Đàn.
- UBND xã C.
- Lưu hồ sơ vụ án .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**ĐÀO VĂN ĐẠT**



